

**TAND TP. PHAN THIẾT**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày: 18/8/2020.

Về việc: “*Tranh chấp HĐ dân sự*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

*Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa - Thẩm phán.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Đỗ Văn Hòa**

**2. Bà Lê Thị Kiều Thu**

*Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:*

Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.*

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2020/TLST-DS ngày 11/3/2020 “*V/v tranh chấp HĐ vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2020/QĐXXST-DS ngày 17/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2020/QĐST-DS ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Trú tại: Khu phố 02, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**- Bị đơn:** 1/ Ông Đỗ Hữu H1, sinh năm 1980 (có mặt).

2/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 284 Bùi Thị Xuân, khu phố 02, phường X, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:**

Ngày 06/6/2019, ông Đỗ Hữu H1 có ký giấy nhận nợ số tiền 1.050.000.000 đồng và xác định đã trả cho bà số tiền 850.000.000 đồng. Số còn lại là 200.000.000 đồng bà H cho lại vợ chồng ông H1 70.000.000 đồng; còn lại 130.000.000 đồng vợ chồng ông H1 phải trả trong thời gian từ 06/6/2019 đến ngày 10/9/2019 và không yêu cầu tính lãi.

Nhưng đến ngày 10/9/2019, vợ chồng ông H1 đã không thực hiện theo đúng cam kết. Ngày 14/10/2019 bà đã làm đơn khởi kiện vợ chồng ông H1 ra Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Khi đến Tòa án thì ông H1 cam kết trả lại số tiền trên

130.000.000 đồng vào ngày 31/01/2020. Sau khi thỏa thuận thì bà đã làm đơn rút đơn khởi kiện nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông H1 vẫn không trả số tiền trên cho bà.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông H1 phải trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/06/2019 đến nay với lãi suất là 1%/tháng.

**\* Bị đơn ông Đỗ Hữu H1 trình bày:**

Tháng 09/2018, vợ chồng ông có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất ở Hàm Thắng (có làm giấy vay tiền có chứng thực tại Văn phòng Công chứng Viễn Đông), thời hạn vay 01 năm, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Trong quá trình vay thì hàng tháng nếu vợ chồng ông không trả lãi được thì bà H tính tiền lãi tăng là 15%/tháng tính vào tiền gốc. Hàng tháng khi không trả được thì bà H bắt ông viết giấy nhận nợ riêng đối với khoản tiền lãi này. Cộng dồn các khoản tiền thực mượn là 790.000.000 đồng và tính luôn tiền lãi là 940.000.000 đồng. Ngày 06/6/2019, vợ chồng ông thương lượng trả cho bà H số tiền 850.000.000 đồng, còn số tiền 90.000.000 đồng thì xin trả sau. Sau khi trả cho bà H số tiền 850.000.000 đồng thì bà H không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp, do bà H không chịu nên ông phải viết giấy nhận nợ 1.050.000.000 đồng và đã trả được 850.000.000 đồng, còn lại số tiền 200.000.000 đồng. Đồng thời, sau đó bà H hứa cho lại vợ chồng ông 70.000.000 đồng và không tính lãi đối với số tiền 130.000.000 đồng nhưng phải cam kết trả trong thời hạn từ ngày 06/6/2019 đến ngày 10/9/2019.

Nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông chưa trả được cho bà H, bà H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và ông đã cam kết sẽ trả dứt điểm số tiền 130.000.000 đồng cho bà H vào ngày 31/01/2020.

Vợ chồng ông cũng đã cố gắng xoay sở để trả cho bà H nhưng hiện nay chưa có khả năng trả nợ.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không được do vợ ông H1 không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn bà Lê Thị T chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 130.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T, hiện nay đang cư trú tại khu phố 02, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, tuy nhiên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là dựa trên nội dung thỏa thuận ghi trong giấy trả nợ đề ngày 06/6/2019 giữa các bên nên đây là quan hệ tranh chấp “*Giao dịch dân sự*”. Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Bà Lê Thị T đã được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng yêu cầu ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2019 đến nay, như cam kết ngày 06/6/2019.

Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ vào giấy trả nợ đề ngày 06/6/2019 với nội dung “....*Hiện nay tôi (tức là ông H1) còn thiếu bà H 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: Bà H cho lại vợ chồng tôi (tức vợ chồng ông H1) số tiền 70.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng, tôi phải trả cho bà H đúng hạn, không tính lãi, kể từ ngày 06/6/2019 đến ngày 10/9/2019. Vợ chồng tôi phải trả số tiền trên, nếu không trả hết vợ chồng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Biên bản thỏa thuận này được ký bởi các bên là ông Đỗ Hữu H1 và bà Võ Thị H. Các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, biên bản thỏa thuận này có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, bên ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T đã không thực hiện đúng theo nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, giao dịch (việc thỏa thuận ghi trong giấy trả nợ đề ngày 06/6/2019) này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Võ Thị H đã tự nguyện cho lại vợ chồng ông H1 số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại vợ chồng ông H1 phải trả là 130.000.000 đồng.

Mặc khác, tại giấy trả nợ có nội dung thỏa thuận như trên chỉ có một mình ông Đỗ Hữu H1 ký nhưng đây là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Lê Thị T là vợ ông H1 cũng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch mà ông H1 đã ký. Vì vậy, việc bà Võ Thị H yêu cầu ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải thanh toán

cho bà là có căn cứ chấp nhận. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận buộc vợ chồng ông H1 phải trả cho bà Hồng số tiền 130.000.000 đồng.

**[3] Về lãi suất:**

Bà Võ Thị H yêu cầu vợ chồng ông H1 phải trả lãi suất chậm trả là 1%/tháng, tương đương 12%/năm, trên số tiền chưa thanh toán và thời gian tính lãi suất từ ngày 06/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử, xét thấy theo như biên bản thỏa thuận đến ngày 6/6/2019 thì vợ chồng ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T không thực hiện theo đúng như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 351 Bộ luật dân sự nên vợ chồng ông H1 phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về mức lãi suất chậm trả bà H yêu cầu là 1%/tháng, tức là 12%/năm. Hội đồng xét xử, xét thấy, tại giấy trả nợ các bên thỏa thuận không tính lãi; nhưng nay bà H yêu cầu tính lãi chậm trả và các bên cũng không thỏa thuận được mức lãi suất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì *“...có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này”*, tức là 10%/năm. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tức là 10%/năm.

Về thời gian tính lãi chậm trả: Bà H yêu cầu tính từ ngày 06/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại giấy trả nợ đề ngày 06/6/2019, thì bà H đã xác định thời gian trả nợ của vợ chồng ông H1 là từ ngày 06/6/2019 đến ngày 10/9/2019; như vậy tính từ ngày 11/9/2019 thì vợ chồng ông H1 mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thời gian tính lãi suất chậm trả phải tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, tiền lãi chậm trả vợ chồng ông Đỗ Hữu H1 phải trả cho bà Võ Thị H là: 130.000.000 đồng x 0,83%/tháng x (11/9/2019 đến ngày 18/8/2020) = 12.120.700 đồng.

**[4]** Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả vợ chồng ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải thanh toán cho bà Võ Thị H là 130.000.000 đồng + 12.120.700 đồng = 142.120.700 ( *Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi ngàn bảy trăm đồng*) đồng.

**[5] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H không được chấp nhận một phần nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Võ Thị H, sinh năm 1959 (trên 60 tuổi), bà H có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử, xét miễn toàn bộ tiền án phí phần yêu cầu không được chấp nhận là phù hợp.

Ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1/ Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 385; Điều 351; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

**2/ Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 142.120.700 (*Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi ngàn bảy trăm đồng*) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**3/ Án phí:** Ông Đỗ Hữu H1 và bà Lê Thị T phải nộp 7.106.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và ông Đỗ Hữu H1; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;
- Dương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thanh Hòa**



